

Số: 1913/ĐĐMB-PT

Hà Nội, ngày 23 tháng 09, năm 2017

PHƯƠNG THỨC VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN MIỀN BẮC

Tuần 41 (từ ngày 02/10/2017 đến ngày 08/10/2017)

I. TỔNG KẾT VẬN HÀNH TUẦN 39 (từ 18/09/2017 đến 24/09/2017)

1. Phụ tải

1.1. Phụ tải hệ thống điện miền Bắc

HTĐ	Tuần 39
A tuần (MWh)	1712413
A ngày TB (MWh)	244630
A ngày max (MWh)	256340
A ngày min (MWh)	226997
P max (MW)	11843
P min (MW)	7510

1.2. Xuất nhập khẩu (mua điện Trung Quốc)

HTĐ	Tuần 39
A tuần (MWh)	0.0
A ngày TB (MWh)	0.0
P max (MW)	0.0

2. Tình hình vận hành lưới điện miền:

a) Các sự cố chính trên lưới điện:

STT	Tên thiết bị (Đ/d, trạm)	Thời điểm sự cố				Nguyên nhân
		Xuất hiện		Khôi phục		
		Giờ	Ngày	Giờ	Ngày	
1	ĐZ 172 A15.19 (TĐ Nậm Pông) - 171 E15.3 (Quỳ Hợp)	0.57	20/09	1.00	20/09	Chưa xác định được nguyên nhân
2	ĐZ 172 A22.18 (TĐ Sông Miện 5A) - 171 E22.7 (Yên Minh)	3.12	20/09	3.14	20/09	Chưa xác định được nguyên nhân
3	ĐZ 174 A29.16 (Nậm Na 3) - 174 E29.1 (Phong Thổ)	22.45	20/09	22.45	21/09	Chưa xác định được nguyên nhân

4	ĐZ 174 A29.16 (Nậm Na 3) - 174 E29.1 (Phong Thổ)	22.46	20/09	6.07	21/09	Chưa xác định được nguyên nhân
5	ĐZ 175 E20.3 (Lào Cai 220) - 171 E20.39 (TĐ Ngòi Phát)	4.17	21/09	4.17	21/09	Chưa xác định được nguyên nhân
6	- ĐZ 174 A40 (TĐ Thác Bà) - 171 E12.4 (Lục Yên) - 172-7 E12.1 (Yên Bái); '- ĐZ 171 E12.3 (Yên Bái 220kV) - 172 A40 (TĐ Thác Bà).	5.25	22/09	5.25	22/09	VT25 có vết phóng điện
7	MC 171 A12.20 (TĐ Ngòi Hút):	5.30	22/09	5.30	22/09	Chưa xác định được nguyên nhân
8	ĐZ 271 T500TT (Thường Tín) - 273, 274 E8.9 (Hải Dương 220kV)	15.07	22/09	15.07	22/09	Chưa xác định được nguyên nhân
9	ĐZ 172 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) - 176 A53 (NB Uông Bí)	4.26	23/09	4.30	23/09	Chưa xác định được nguyên nhân
10	- ĐZ 278 E5.9 (Tràng Bạch 220kV) - 273, 274 A53 (NB Uông Bí); '- T7 A53 (NB Uông Bí)	5.41	23/09	5.41	23/09	Chưa xác định được nguyên nhân
11	MC 171 E25.1 (Phúc Yên)	23.45	24/09	23.45	24/09	Đội thí nghiệm ETC1 thử nghiệm ro-le so lệch thay mới (GRL200) khi đường dây mang tải, ro-le báo lỗi. Khi ETC1 reset ro-le, máy cắt 171 nhảy.

b) Các khu vực đầy tải và quá tải, điện áp thấp, điện áp cao:

* Đường dây mang tải $\geq 80\%$:

STT	Tên thiết bị	I thực tế (A)	I định mức (A)	So sánh (%)	Ngày Giờ	Nguyên nhân
I	<i>Đường dây 220kV</i>					
1	274 T500 Nho Quan - 271 Ninh Bình E23.1	1008	1200	84	15h-21/9	Thủy điện phát cao
2	271 Yên Bái E12.3 - 273 Lào Cai E20.3	700	825	85	10h-21/9	Thủy điện phát cao
3	271 Trục Ninh E3.20 - 273 Ninh Bình 23.1	1199	1404	85	11h-21/9	Thủy điện phát cao
4	276 T500 Phố Nối - 271 E28.1 Phố Nối	1295	1504	86	9h-18/9	Tải cao
5	271 Sơn Tây E1.35 - 280 Hòa Bình A100	845	980	86	15h-19/9	Thủy điện phát cao
6	275 T500 Nho Quan - 273 Phủ Lý E24.4	624	710	88	21h-20/9	Thủy điện phát cao
7	273 Hà Đông E1.4 - 271 Chèm E1.6	833	945	88	15h-18/9	Thủy điện phát cao
8	278 Hà Đông E1.4 - 275 Hòa Bình A100	933	945	99	21h-20/9	Thủy điện phát cao
9	279 Hà Đông E1.4 - 276 Hòa Bình A100	933	945	99	21h-20/9	Thủy điện phát cao
10	271 Sơn La E17.6 - 271 Việt Trì E4.4	830	825	101	21h-19/9	Thủy điện phát cao
11	272 Chèm E1.6 - 273 Hòa Bình A100	986	945	104	15h-18/9	Thủy điện phát cao

II.	Đường dây 110kV					
1	171 Nam Định E3.7 - 171-7 Vũ Thư E11.5	312	390	80	22h-18/9	Tải cao
2	180 Ninh Bình E23.1 - 172 XM Tam Điệp	417	521	80	9h-21/9	Tải cao
3	175 Hải Dương E8.9 - 171-7 Phúc Điền E8.15	494	615	80	10h-19/9	Tải cao
4	172 Lý Nhân E24.2 - 172-7 Mỹ Lộc E3.14	419	521	80	22h-18/9	Tải cao
5	174 Sơn La E17.2 - 171 Thuận Châu E17.4	420	521	81	2h-18/9	Thủy điện phát cao
6	172 T500 Nho Quan - 171 Nho Quan E23.2	423	521	81	10h-18/9	Tải cao
7	176 Mông Dương E5.1 - 174 Cẩm Phả A5.20	500	615	81	9h-23/9	Tải cao
8	175 Thái Bình E11.1 - 172 Thái Bình E11.3	360	442	81	24h-19/9	Tải cao
9	178 Bắc Giang E7.6 - 172-7 XM Đồng Bành	364	442	82	18h-24/9	Tải cao
10	172 Vĩnh Tường E25.10 - 172 Hội Hợp E25.6	507	615	82	22h-21/9	Tải cao
11	171 Bắc Giang E7.6 - 171 Lục Ngạn E7.8	432	521	83	18h-18/9	Tải cao
12	176 Hải Dương E8.9 - 172-7 Phúc Điền E8.15	511	615	83	10h-21/9	Tải cao
13	171 Long Bối E3.3 - 171 Thái Bình E11.3	369	442	83	22h-20/9	Tải cao
14	171 Tuyên Quang 220 E14.6 - 172 Tuyên	435	521	83	19h-18/9	Tải cao
15	175 Sơn La E17.6 - 172 Suối Lùm 3 A17.38	438	521	84	16h-22/9	Thủy điện phát cao
16	172 Phúc Thọ E10.6 - 173 Xuân Mai E10.5 -	440	521	84	18h-18/9	Tải cao
17	177 Sơn La E17.6 - 171 Nậm Pịa A17.10	440	521	84	23h-18/9	Thủy điện phát cao
18	178 Đồng Hòa E2.1 - 171-7 Vĩnh Bảo E2.10	586	690	85	10h-19/9	Tải cao
19	173 Lai Khê E8.6 - 173 Tiền Trung E8.16	444	521	85	9h-21/9	Tải cao
20	173 Phố Nối E28.1 - 172 Gia Lâm 2 E1.38	938	1100	85	8h-24/9	Tải cao
21	173 Tây Hồ E1.40 - 171 Yên Phụ E1.8	710	832	85	11h-19/9	Tải cao
22	177 Hà Đông E1.4 - 172 Linh Đàm E1.26	713	832	86	19h-18/9	Tải cao
23	173 Sóc Sơn E1.19 - 175 Đông Anh E1.1	709.89	825	86	11h-19/9	Tải cao
24	175 Nam Định E3.7 - 171 Trình Xuyên E3.1	450	521	86	10h-21/9	Tải cao
25	172 Đồng Niên E8.1 - 176 Phả Lại A80	452	521	87	10h-21/9	Tải cao
26	171 Phủ Lý E3.5 - 171 Thạch Tổ E3.2	530	605	88	10h-21/9	Tải cao
27	172 Tuyên Quang 220 E14.6 - 171 Thác Bà	458	521	88	11h-18/9	Thủy điện phát cao
28	175 Đồng Hoà E2.1 - 173 An Lạc E2.2	459	521	88	11h-18/9	Tải cao
29	171 Bãi Bằng A4.2 - 172 Phú Thọ E4.7	466	521	89	22h-20/9	Tải cao
30	174 Sơn Tây E1.35 - 171 Phùng Xá E1.28	396	442	90	9h-19/9	Tải cao
31	176 Lào Cai E20.2 - 172 Mường Hum A20.15	551	615	90	16h-18/9	Thủy điện phát cao
32	173 Nghi Sơn E9.10 - 172 Nông Cống E9.8	472	521	91	22h-20/9	Tải cao
33	172 Việt Trì E4.4 - 171-7 Phù Ninh E4.10	474	521	91	17h-22/9	Tải cao
34	173 Phủ Lý E24.4 - 172-7 Châu Sơn E24.11	561	615	91	10h-21/9	Tải cao
35	171 T500 Thường Tín - 174 Thường Tín E1.32	784	832	94	23h-20/9	Tải cao
36	173 Bắc Ninh 3 E27.15 - 172 Yên Phong E27.7	655.57	690	95	16h-18/9	Tải cao
37	173 Phủ Lý E3.5 - 174 Lý Nhân E24.3	500	521	96	10h-21/9	Tải cao
38	174 Tây Hồ E1.40 - 172 Bồ Hồ E1.18	822	832	99	12h-22/9	Tải cao
39	171 Vĩnh Yên E25.2 - 172-7 Thiện Kế E25.4	615	621	99	11h-21/9	Tải cao
40	174 Bắc Ninh E27.6 - 171 Quê Võ 4 E27.17	438	442	99	15h-19/9	Tải cao
41	174 Bắc Ninh 2 E27.10 - 172 Tiên Sơn E27.1	684	690	99	23h-18/9	Tải cao
42	171 Đồng Niên E8.1 - 175 Phả Lại A80	533	521	102	10h-18/9	Tải cao
43	172 Phủ Lý E24.4 - 172 Đồng Văn E24.3	634	615	103	10h-20/9	Tải cao
44	180 Phú Bình E6.16 - 172 Yên Bình 2 E6.14	937	825	114	7h-19/9	Tải cao
45	171 Vĩnh Yên E25.2 - 172-7 Thiện Kế E25.4	620	621	100	11h-12/9	Tải cao

* Máy biến áp mang tải $\geq 80\%$:

					Số

STT	Trạm biến áp 220kV	Ngày - Giờ	Thực tế (A)	Giới hạn mức (A)	Số sánh (%)	Nguyên nhân
1	TBA 220kV Vân Tri-AT2	15h -18/9	504	628	80	Tải cao
2	TBA 220kV Đê Lương-AT2	18h -24/9	252	314	80	Tải cao
3	TBA 220kV Trảng Bạch-AT1	15h -18/9	255	314	81	Tải cao
4	TBA 220kV Vân Tri-AT1	15h -18/9	511	628	81	Tải cao
5	TBA 220kV Phố Nối-AT1	2h -21/9	511	628	81	Tải cao
6	TBA 220kV Hà Đông-AT3	18h -20/9	514	628	82	Tải cao
7	TBA 220kV Hà Đông-AT4	18h -20/9	514	628	82	Tải cao
8	TBA 500kV Nho Quan-AT3	15h -19/9	260	314	83	Tải cao
9	TBA 220kV Hà Đông-AT5	18h -19/9	524	628	83	Tải cao
10	TBA 220kV Sơn La-AT2	24h -18/9	528	628	84	Thủy điện phát cao
11	TBA 500kV Hiệp Hòa-AT3	16h -18/9	537	628	86	Tải cao
12	TBA 220kV Chèm-AT1	11h -22/9	542	628	86	Tải cao
13	TBA 220kV Chèm-AT2	11h -22/9	542	628	86	Tải cao
14	TBA 220kV Phú Bình-AT2	11h -19/9	549	628	87	Tải cao
15	TBA 500kV Quảng Ninh-AT3	18h -23/9	561	628	89	Tải cao
16	TBA 220kV Phú Bình-AT1	11h -19/9	562	628	89	Tải cao
17	TBA 220kV Tây Hồ-AT2	16h -18/9	570	628	91	Tải cao
18	TBA 220kV Hải Dương-AT2	10h -18/9	286	314	91	SC AT1 T500TT
19	TBA 220kV Sơn La-AT1	24h -18/9	576	628	92	Thủy điện phát cao
20	TBA 220kV Đông Hoà-AT1	10h -21/9	291	314	93	Tải cao
21	TBA 220kV Sơn Tây-AT1	18h -18/9	590	628	94	Tải cao
22	TBA 220kV Đông Hoà-AT2	10h -21/9	601	628	96	Tải cao
23	TBA 220kV Than Uyên-AT1	4h -19/9	618.84	628	99	Thủy điện phát cao
24	TBA 220kV Hải Dương-AT1	10h -18/9	619	628	99	SC AT1 T500TT
25	TBA 220kV Bắc Ninh 2-AT3	3h -22/9	623	628	99	SC AT1 T500TT
26	TBA 500kV Đông Anh-AT3	23h -19/9	674	628	107	Tải cao, SC AT1 T500TT
27	TBA 220kV Phù Lý-AT1	15h -18/9	338	314	108	Tải cao, SC AT1 T500TT
28	TBA 220kV Bắc Ninh 3-AT3	15h -18/9	682.08	628	109	Tải cao, SC AT1 T500TT
29	TBA 220kV Phù Lý-AT2	15h -18/9	688	628	110	Tải cao, SC AT1 T500TT
30	TBA 220kV Cao Bằng-AT1	18h -19/9	347	314	111	Tách 174 E6.4, TĐ phát cao

* Khu vực điện áp thấp:

STT	Trạm biến áp	U danh định (kV)	U thực tế (kV)	So sánh (%)	Nguyên nhân
1	TBA 110kV Chợ Đồn	110	98	89	Tách đ/d 174 E6.2, B6 không đảm bảo CS
2	TBA 110kV Phú Lương	110	100	91	
3	TBA 110kV Bắc Kạn	110	100	91	
4	TBA 110kV Lào Cai	110	104	95	Tải cao, TĐ ngừng phát
5	TBA 110kV Ninh Dân	110	104	95	Tải cao, TĐ ngừng phát
6	TBA 220kV Kim Động	220	204	93	SC AT1 T500TT
7	TBA 220kV Nam Định	220	205	93	
8	TBA 220kV Hải Dương	220	205	93	
9	TBA 220kV Chèm	220	206	94	
10	TBA 220kV Vân Tri	220	206	94	
11	TBA 220kV Thái Thụy	220	207	94	

12	TBA 220kV Tây Hồ	220	208	95
13	TBA 220kV Trục Ninh	220	209	95
14	TBA 220kV Bắc Giang	220	209	95

* Khu vực điện áp cao:

STT	Trạm biến áp	U danh định (kV)	U thực tế (kV)	So sánh (%)	Nguyên nhân
1	NM TĐN Nậm He	110	124	113	Thấp điểm, TĐ phát cao
2	NM TĐN Nậm Pung	110	124	113	Thấp điểm, TĐ phát cao
3	NM TĐN Trung Thu	110	124	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
4	TBA 110kV XM Điện Biên	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
5	TBA 110kV Lai Châu	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
6	NM TĐN Nậm Pông	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
7	NM TĐN Tà Lơi 2	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
8	NM TĐ Mường Hum	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
9	TBA 110kV Mường La	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
10	NM TĐN Thanh Thủy	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
11	TBA 110kV Sơn La	110	123	112	Thấp điểm, TĐ phát cao
12	TBA 110kV Bá Thước	110	122	111	Thấp điểm, TĐ phát cao
13	NM TĐ Tà Cọ	110	122	111	Thấp điểm, TĐ phát cao
14	TBA 110kV Thuận Châu	110	122	111	Thấp điểm, TĐ phát cao
15	TBA 110kV Phù Yên	110	122	111	Thấp điểm, TĐ phát cao
16	NM TĐN Bản Rạ	110	122	111	Thấp điểm, TĐ phát cao

* Hạn chế tải:

Lý do	Số lần	Thời gian (giờ)	Lý do chính
Thiếu nguồn			
Role 81			
Quá tải thiết bị			

3. Các công trình mới đóng điện trong tuần:

STT	Đơn vị	Bắt đầu	Kết thúc	Nội dung nghiệm thu	Ghi chú
1	NGC	15h41 18/09	18h00 18/09	T2 E27.3 (Châu Khê): 63 MVA	Nâng CS
2					
3					
4					

4. Nhận xét và kiến nghị:

II. PHƯƠNG THỨC VẬN HÀNH TUẦN 41/201 (từ 02/10/2017 đến 08/10/2017)

1. Thông tin chung

1.1 Tình hình phụ tải và huy động nguồn

- Huy động nguồn tuần (theo huy động nguồn của A0).
- Huy động thủy điện nhỏ dự kiến:

Giờ	Tổng công suất dự kiến (MW)						
	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật
1.00	957	957	957	957	957	957	957
2.00	957	957	957	957	957	957	957
3.00	957	957	957	957	957	957	957
4.00	957	957	957	957	957	957	957
5.00	955	955	955	955	955	955	955
6.00	955	955	955	955	955	955	955
7.00	928	928	928	928	928	908	908
8.00	928	928	928	928	928	908	908
9.00	915	915	915	915	915	895	895
10.00	915	915	915	915	915	895	895
11.00	930	930	930	930	930	910	910
12.00	930	930	930	930	930	910	910
13.00	930	930	930	930	930	910	910
14.00	930	930	930	930	930	910	910
15.00	977	977	977	977	977	957	957
16.00	977	977	977	977	977	957	957
17.00	990	990	990	990	990	970	970
18.00	990	990	990	990	990	970	970
19.00	990	990	990	990	990	970	970
20.00	992	992	992	992	992	972	972
21.00	977	977	977	977	977	957	957
22.00	977	977	977	977	977	957	957
23.00	977	977	977	977	977	957	957
24.00	977	977	977	977	977	957	957
A ngày	22962	22962	22962	22962	22962	22602	22602

- Dự báo phụ tải:

Tuần 41	HTĐ MB	HNPC	NPC
A ngày max (MWh)	253777	61133	192644
P max (MW)	11725	3044	8755
P min (MW)	7435	1517	5918

1.2 Kết lưới hệ thống

STT	Thiết bị/TBA	Thay đổi	Ghi chú
1	E1.3 (Mai Động)	C11: 136, 171, 173, 174, 175, T101 C12: 133, 134, 131, 132, 172, 176, 177, 178, T102 MC 100 cắt	Giảm dòng ngắn mạch

2	E1.4 (Hà Đông)	C22: 271, 272, 274, 275; C21: các MC còn lại MC 212 cắt	Khi quá tải đ/d Hòa Bình - Hà Đông: 1. Kiểm tra cắt các MC: 175, 176 E1.39; 174 E10.2; 171, 172 E1.3; 175 E1.3; 112 E1.10; 2. Kiểm tra cắt MC 112 E1.9; 112 E1.43, 212 E1.4 3. Cắt MC 112, 200 E1.6
		C11: 135, 131, 171, 175, 177, T101	
		C12: 133, 134, 132, 172, 173, 174, 176, 178, T102	
		MC 112 đóng	
3	E1.6 (Chèm)	C21: 273, 274, 235 ; C22: các MC còn lại MC 200 liên lạc	
		C11: 135, 133, 175, 176, T101; C12: các MC còn lại.	
4	T500 Thường Tín	C21: MC 271, 272, 277, 278, C22: các MC còn lại; MC 200 liên lạc	Khi tải AT2 T500TT cao: - Cắt MC 200 T500TT
5	E8.1 (Đồng Niên)	C11: 131, 134, 171, 173, 175	Cắt MC 112 khi quá tải 173 E8.6 (Lai Khê)
		C12: 132, 133, 172, 174	
		MC 112 liên lạc	
6	A18.10 (ND Vũng Áng)	C21: 273, 274, 277, 231, 233	Cắt MC 212 khi quá tải AT1 T500 Vũng Áng
		C22: 271, 272, 232	
		MC 212 liên lạc	
7	E22.4 (Hà Giang)	Kết dây cơ bản (MC 272 và DCL hai phía cắt - đ/d dự phòng nóng)	
8	E6.2 (Thái Nguyên)	Kết dây cơ bản	
9	E20.3 (Lào Cai 220)	Kết dây phía 220kV cơ bản (MC 271, 272 và DCL 2 phía cắt - đ/d dự phòng nóng)	
10	E16.2 (Cao Bằng)	C21: 271, 231; C22: 272, 273; MC 212 liên lạc	Cắt MC 212 khi quá tải AT1 E16.2
11	E15.10 (Đô Lương)	C11: 171; 172, 131, 132, 173	Không có MC liên lạc
		C12 dự phòng	
12	Các máy cắt thường xuyên ở vị trí cắt do cấu hình HTĐ (RLBV, sơ đồ lưới - trạm), tránh quá tải	<ul style="list-style-type: none"> * 112 E1.14 (Giám), 172 E1.15 (Sài Đồng), 112 E1.38 (Gia Lâm 2), 112 E1.30 (Văn Quán), 112 E1.31 (Trôi), 112 E1.5 (Thượng Đình), 172 T500 Đông Anh. * 112 E2.17(Thép Đình Vũ) * 112 E7.4 (Võ Cường) * 112 E3.9 (Mỹ Xá), 112 E3.11 Hải Hậu, 172 E3.3 (Long Bối) * 171 E4.7 (Phú Thọ), MC 171 E4.1 (Việt Trì); * 172 E5.7 (Móng Cái), 172 E5.10 (Hà Tu) * 171 A17.24 (Nậm Hồng) * 171 E20.2 (Lào Cai), * 171 E22.1 (Hà Giang) * 112 E2.15 (Đồ Sơn) 	MC 112 E2.15 cắt do các MC đ/d chưa có RLBV

		* E6.4 (Thịnh Đán): MC 112 và DCL hai phía cắt * E6.9 (Gang Thép): MC 172 và DCL cắt	
13	Các máy cắt và DCL thường xuyên ở vị trí mở để cách ly lưới điện VN-TQ		

2. Các công tác trên lưới điện trong tuần 41 và dự kiến tuần 42

Lưu ý: Đối với những phương thức cần huy động nguồn hoặc sa thải phụ tải để tiến hành từ ngày 01-04-2017 sẽ thực hiện theo đúng công văn 1352/EVN - KTSX ngày 29/03/2017

2.1 Công tác tuần 41

STT	Ngày	Công tác	Nội dung
1		Tách đ/d 171 T500 Đông Anh - 172 E7.4 Võ Cường - VT120 (5.00 - 8.00)	NGC : Đấu lèo VT120. Sau khi đấu lèo khôi đ/d 171 T500 Đông Anh - 172 E7.4 Võ Cường - 172 E27.15 (Bắc Ninh 3 220kV). Nghiệm thu đóng điện dây dẫn mới thay thế. Kiểm tra đồng vị pha qua TU172 và TUC12 trạm E27.15.
2		Khôi phục đ/d 172-7 E2.10 (Vĩnh Bảo) - 171-7 E11.8 (Quỳnh Phụ); Khôi phục DCL171-7 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (4.00 - 15.30)	Sau khi : NGC : * Đường dây: đảm bảo an toàn công tác trong trạm E11.8 (Quỳnh Phụ). * Trạm E11.8 (Quỳnh Phụ): - Dịch chuyển xà poóc tích ngăn lộ 171 sang vị trí mới. - Dịch chuyển TII171, TU171 pha B, DCL171-7 hiện trạng sang vị trí mới, không đánh lại tên. - Lắp mới tủ MK171, cải tạo tủ điều khiển ngăn 171. - Lắp đặt, đấu nối, thí nghiệm hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada của thiết bị MC171, DCL171-1 mới; TII171, TU171 pha B, DCL171-7 sau dịch chuyển. Đến 15h30 ngày 02/10: + Khôi phục đ/d 172-7 E2.10 (Vĩnh Bảo) - 171-7 E11.8 (Quỳnh Phụ). + Nghiệm thu đóng điện MC171, DCL171-1 mới; TII171, TU171 pha B, DCL171-7 sau dịch chuyển. Kiểm tra đồng vị pha qua TUC11&TUC12.
3		Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
4		Tách AT2, MC 232, 132 E1.23 (Vân Trì 220kV) (22.30 - 5.00)	B01 hiệu chỉnh chiều công suất hiển thị lên SCADA MC AT2

5		Tách C12 E1.6 (Chèm 220kV) (22.30 - 6.00)	B01 đảm bảo an toàn tháo DCL 177-2, 178 -2 (MC 177, 178 E1.6 đang DP), tháo tách lều từ DCL 177 -2, 178 - 2 lên C12 để điều chuyển thiết bị lắp cho MC 110kV (mới) tại E25.2
6	02/10	Tách MC 133 E15.1 (Hưng Đông 220kV) (MC 100 thay); Tách C12 E15.1 (Hưng Đông 220kV) (Lưu ý: Tách đến 17.00 ngày 03/10) (5.00 - 17.00)	B01 thay mới dao cách ly 133-2
7		Tách MC 200 E1.4 (Ba La 220kV) (6.00 - 11.00)	B01 TNDK MC 200
8		Tách lần MC 212 E1.4 (Ba La 220kV) (11.00 - 17.00)	B01 TNDK MC 200, 212
9		Tách AT1 E5.9 (Tràng Bạch 220kV) (6.00 - 12.00)	B01 bọc cách điện phía 22kV.
10		Tách T1, MC131, MC331, MC931 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (4.00 - 16.00)	NGC TNDK thiết bị thuộc ngăn lộ T1, MC131, MC331, MC931, thanh cái C91.
11		Tách C11, MC112 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (4.30 - 15.30)	NGC : + Đẩu lều từ DCL171-1 lên thanh cái C11. + TNDK thiết bị MC112.
12		Khôi phục MC171, MC112, C11, MBAT1, MC431, MC331 trạm E27.5 (Quế Võ) (8.30 - 5.00)	Sau khi : NGC : - Thay thế đầu cột, dây lều ngăn lộ 171, từ TC C11 đến DCL112-1 từ dây dẫn AC185 lên dây dẫn AC300. - Tháo dỡ thu hồi DCL 131-1. Lắp đặt CSC11, TUC11 (03 quả). Đẩu nối, thí nghiệm sau khi lắp đặt. - Cài tạo tủ điều khiển ngăn lộ 131. Lắp đặt thiết bị HGIS-131, đầu lều từ thanh cái C11 vào thiết bị hợp bộ HGIS-131, đầu lều từ HGIS-131 vào MBAT1. - Thí nghiệm, hoàn thiện mạch bảo vệ, điều khiển, SCADA sau khi đẩu nối.. - VSCN, xử lý khiếm khuyết ngăn lộ 171, 112, C11, MBAT1, MC431, MC331 và các ngăn lộ trung áp. - Dự án TTĐK xa: ghép nối tín hiệu SCADA ngăn lộ 171, 112, C11, MBAT1, MC431, MC331, thanh cái C31. - Lắp đầu báo cháy MBAT1. Đến 05h00 ngày 02/10: - Khôi phục MC171, MC112, C11, MBAT1, MC431, MC331. - Nghiệm thu đóng điện TUC11, CSC11, ngăn lộ hợp bộ HGIS 131 (gồm MC131, DCL131-1, TI131, DCL131-3). Kiểm tra đồng vị pha TUC11&TUC12.
13		Khôi phục đoạn đường dây 172 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3) - VT126 (8.00 - 8.00)	Sau khi : NGC Thay dây dẫn khoảng cột 126-131 từ AC300 lên AC400.

14	03/10	Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
15		Tách đ/d 172 E5.4 (Giếng Đáy) - 172-7 E5.11 (Cái Lân); Tách MC172, MC112, thanh cái C12 trạm E5.4 (Giếng Đáy) (Lưu ý : tách đến ngày 06-10-2017). (6.00 - 18.00)	NGC : * Đường dây: Lắp đặt CS172 phía ngoài DCL 172-7, kiểm tra xử lý khiếm khuyết đường dây. * Trạm E5.4 (Giếng Đáy): + Đảm bảo an toàn thi công HTSD ngăn lộ 132. + TNDK, VSCN ngăn lộ MC172, C12, MC112. Đến 18h00 ngày 06/10: + Khôi phục đ/d 172 E5.4 (Giếng Đáy) - 172-7 E5.11 (Cái Lân); MC172, MC112, thanh cái C12 trạm E5.4 (Giếng Đáy). + Nghiệm thu đóng điện CS172.
16		Tách T2, MC332, MC432 trạm E5.4 (Giếng Đáy) (Lưu ý : tách đến ngày 06-10-2017). (5.30 - 18.30)	NGC : + VSCN, TNDK thiết bị thuộc ngăn lộ T2, MC332, MC432. + Tháo dỡ, thu hồi DCL 132-2. + Lắp đặt thiết bị HGIS-132, đấu lèo từ thanh cái C12 vào thiết bị hợp bộ HGIS-132, đấu lèo từ HGIS-132 vào MBAT2.Thí nghiệm, hoàn thiện mạch bảo vệ, điều khiển, SCADA sau khi đấu nối. Đến 18h30 ngày 06/10: + Khôi phục MBAT2, MC332, MC432. + Nghiệm thu đóng điện ngăn lộ hợp bộ HGIS 132 gồm MC132, DCL132-2, TI132, DCL132-3.
17		Tách MC 273 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (6.00 - 10.00)	B01 TNDK thiết bị
18		Tách MC 275 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (10.00 - 14.00)	B01 TNDK thiết bị
19		Tách MC 277 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (14.00 - 17.00)	B01 TNDK thiết bị
20		Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
21	Tách C11, MC112 trạm E9.14 (Hoàng Hoá) (5.00 - 12.00)	NGC Đấu lèo từ DCL171-1 lên thanh cái C11.	

22	04/10	Khôi phục đ/d 171-7 E9.4 (Hà Trung) - 171-7 E9.14 (Hoàng Hoá); Khôi phục DCL171-7 trạm E9.14 (Hoàng Hoá) (5.30 - 16.30)	Sau khi : NGC : * Đường dây: đảm bảo an toàn công tác tại trạm E9.14 (Hoàng Hoá). * Trạm E9.14 (Hoàng Hoá): Thi công hoàn thiện sơ đồ ngăn lộ 171. - Lắp dựng dàn poóc tích ngăn lộ 171, thi công ngày 28/9. - Dịch chuyển TU171 (03 quả) hiện trạng sang vị trí mới và đánh lại tên TUC11 (03 quả), thi công ngày 28/9. - Dịch chuyển DCL 171-7 hiện trạng sang vị trí mới và đổi tên thành DCL171-1 (thi công ngày 29/9). - Lắp đặt, đấu nối, thí nghiệm hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada của thiết bị MC171, TI171, DCL171-7, TU171 pha B mới. Đến 16h30 ngày 02/10: + Khôi phục đường dây 171-7 E9.4 (Hà Trung) - 171-7 E9.14 (Hoàng Hoá). + Nghiệm thu đóng điện MC171, TI171, DCL171-7, TU171 pha B mới; TUC11, DCL171-1 sau dịch chuyển trạm E9.14 (Hoàng Hoá) ; kiểm tra đồng vị pha qua TUC11&TUC12 trạm E9.14 (Hoàng Hoá) .
23		Tách AT1, MC 231, 131, 431, 100, 200 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) (23.00 - 6.00)	B01 xử lý tồn tại mạch nhị thứ khi dùng 100 thay 131; 200 thay 231.
24		Tách MC 272 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (6.00 - 10.00)	B01 TNDK thiết bị
25		Tách MC 274 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (10.00 - 14.00)	B01 TNDK thiết bị
26		Tách MC 276 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 200 thay) (14.00 - 17.00)	B01 TNDK thiết bị
27		Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
28		Tách đ/d 271, 273 A9.25 (TĐ Hòa Na) - 272 E9.20 (Bim Sơn 220kV) và MC 272 E9.20 (Bim Sơn 220kV) (5.00 - 16.00)	B01 vệ sinh cách điện, kiểm tra phụ kiện, xử lý khiếm khuyết phần điện, Xử lý phát nhiệt
29		Tách đ/d 171 E27.6 (BẮC NINH 220KV) - 172 E27.14 (QUẾ VÕ 2) & đ/d 172 E27.6 (BẮC NINH 220KV) - 171 E27.4 (Bình Định) (5.00 - 17.00)	NGC Kéo lại độ võng, nâng cao khoảng cách pha đất k/c 11-16.

30	Tách MC331 trạm E18.5 (Vũng Áng) (0.00 - 2.30)	NGC : Tách đoạn thanh cái nối với tủ MC383 để đảm bảo an toàn ghép nối tủ MC312 mới cạnh tủ MC383. Sau khi công tác, khôi phục thanh cái C31 và các ngăn lộ trung áp (ngăn lộ 383 tách khỏi vận hành đến ngày 07/10).
31	Tách MC171, MC172, MC112 trạm E18.3 (Kỳ Anh) (0.00 - 4.00)	NGC : - Thay thế rơ le BVQI có hướng ngăn lộ 171 loại Toshiba GRD140 bằng rơ le loại Toshiba GRE140, thí nghiệm, cài đặt theo PCĐ mới số A1-02-2017/E18.3/110. - Thay thế rơ le giám sát mạch cắt ngăn lộ 172.
32	Tách đ/d 174 E29.1 (Phong Thổ) - 074 A29.16 (Nậm Na 3) (5.30 - 17.30)	NGC : Căng dây lấy độ võng khoảng cột 02-04 để xử lý khoảng cách pha-pha, pha-đất. Xử lý khiếm khuyết đường dây.
33	Tách MBAT2, MC132, MC332, MC932 trạm E5.6 (Tiên Yên) (6.00 - 17.00)	NGC Đầu nối hệ thống SCADA MBAT2, test End - to - end hệ thống SCADA MBAT2 về A1 (ĐĐMB).
34	Tách đoạn đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 172 E9.15 (XM Công Thanh) - 172 E9.7 (XM Nghị Sơn) - VT340 (5.00 - 11.00)	NGC : - Đầu lèo VT340 (trục chính) phía VT339, tách lèo VT340 (trục chính) phía VT341, tách lèo VT343 (trục chính). Sau khi tách lèo khôi phục đ/d 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) - 172 E9.7 (XM Nghị Sơn) - VT340 (trục chính) và đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 172 E9.15 (XM Công Thanh) - VT343 (trục chính) để cấp điện cho phụ tải. Tách liên tục đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) đến ngày 08/10 để thi công. - Thay sứ VT347, 348, 349, xử lý khiếm khuyết đường dây.
35	05/10 Tách đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) (Lưu ý : tách đến ngày 08-10-2017). (11.00 - 11.00)	NGC :Dựng cột BTLT 14m thay thế cột BTLT VT341 (10m) để nâng cao khoảng cách pha - đất, căng dây lấy độ võng kháng cột 340-342.
36	Tách liên tục đoạn đ/d 171 E9.8 (Nghị Sơn) - VT340 (trục chính) (13.00 - 17.00)	NGC : - Đầu lèo VT340 (trục chính) phía VT339, tách lèo VT340 (trục chính) phía VT341, tách lèo VT343 (trục chính). Sau khi tách lèo khôi phục đ/d 171 E9.8 (Nghị Sơn) - 171 E9.7 (XM Nghị Sơn) - VT340 (trục chính) và đ/d 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.15 (XM Công Thanh) - VT343 (trục chính) để cấp điện cho phụ tải. Tách liên tục đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.8 (Nghị Sơn) đến ngày 08/10 để thi công. - Thay sứ VT347, 348, 349, xử lý khiếm khuyết đường dây. - Chỉ thực hiện khi dây đủ thủ tục CTM
37	Tách đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.8 (Nghị Sơn) (Lưu ý : tách đến ngày 08-10-2017). (17.00 - 17.00)	NGC :Dựng cột BTLT 14m thay thế cột BTLT VT341 (10m) để nâng cao khoảng cách pha - đất, căng dây lấy độ võng kháng cột 340-342.

38	Tách AT1, MC 231, 131, 431, 100, 200 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) (23.00 - 6.00)	B01 xử lý tồn tại mạch nhị thứ khi dùng 100 thay 131; 200 thay 231.
39	Dùng 100 thay 131 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) (6.00 - 7.00)	B01 kiểm tra mang tải F87T2 AT1, F87B phía 110kV khi 100 thay 131
40	Dùng 200 thay 231 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) (7.00 - 8.00)	B01 kiểm tra mang tải F87T2 AT1, F87B phía 220kV khi 200 thay 231.
41	Tách MC 100 E1.4 (Ba La 220kV) (6.00 - 11.00)	B01 TẮT MC 100
42	Tách MC 112 E1.4 (Ba La 220kV) (11.00 - 17.00)	B01 TẮT MC 112
43	Tách C21 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (Lưu ý: Tách đến 15.00 ngày 07/10) (6.00 - 15.00)	B01 đại tu DCL 231-1, 232-1; 200-1, 200-3
44	Tách MC 231 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (MC 200 thay) (6.00 - 16.30)	B01 đại tu DCL 231-1
45	Tách MC 232 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (MC 200 thay) (Lưu ý: Tách đến 6.00 ngày 06/10) (16.30 - 6.00)	B01 đại tu DCL 232-1
46	Đóng điện lần lượt các MC 171, 173, 176 E11.15 (Thái Thụy 220kV) (Đóng DCL -7, chưa đấu nối xuất tuyến) (8.30 - 10.30)	B01 đóng điện thiết bị dự phòng sau 03 tháng không mang điện
47	Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
48	A9.35 (NĐ Nghị Sơn) khôi phục T2, MC 232, 252 (23.00 - 24.00)	Sau khi A9.35 sửa chữa lớn trong năm
49	Khôi phục T2, MC332, MC432 trạm E5.4 (Giếng Đáy) (5.30 - 18.30)	Sau khi : NGC : + VSCN, TẮT thiết bị thuộc ngăn lộ T2, MC332, MC432. + Tháo dỡ, thu hồi DCL 132-2. + Lắp đặt thiết bị HGIS-132, đấu lèo từ thanh cái C12 vào thiết bị hợp bộ HGIS-132, đấu lèo từ HGIS-132 vào MBAT2.Thí nghiệm, hoàn thiện mạch bảo vệ, điều khiển, SCADA sau khi đấu nối. Đến 18h30 ngày 06/10: + Khôi phục MBAT2, MC332, MC432. + Nghiệm thu đóng điện ngăn lộ hợp bộ HGIS 132 gồm MC132, DCL132-2, TI132, DCL132-3.

50		Khôi phục đ/d 172 E5.4 (Giếng Đáy) - 172-7 E5.11 (Cái Lân); Khôi phục MC172, MC112, thanh cái C12 trạm E5.4 (Giếng Đáy) (6.00 - 18.00)	Sau khi : NGC : * Đường dây: Lắp đặt CS172 phía ngoài DCL 172-7, kiểm tra xử lý khiếm khuyết đường dây. * Trạm E5.4 (Giếng Đáy): + Đảm bảo an toàn thi công HTSD ngăn lộ 132. + TNDK, VSCN ngăn lộ MC172, C12, MC112. Đến 18h00 ngày 06/10: + Khôi phục đ/d 172 E5.4 (Giếng Đáy) - 172-7 E5.11 (Cái Lân); MC172, MC112, thanh cái C12 trạm E5.4 (Giếng Đáy). + Nghiệm thu đóng điện CS172.
51	06/10	Tách MC331 trạm E27.11 (Châu Khê 2) (5.00 - 17.00)	NGC - Ghép nội Scada ngăn lộ TU C31, 371, 372, 375. - Cấu hình 61850 cho các role. - Kiểm tra, hiệu chỉnh Scada
52		Tách đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ); Tách C12, MC112 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (5.00 - 7.00)	NGC : * Đường dây: đảm bảo an toàn công tác trong trạm * Trạm E11.8 (Quỳnh Phụ): + Tháo lèo từ DCL172-7 đến thanh cái C12. Đến 07h00 ngày 06/10: + Sau khi tháo lèo sẽ khôi phục thanh cái C12 cấp điện cho T2 từ MC112, thanh cái C11. + Tách liên tục đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ); DCL172-7 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) để phục vụ thi công hoàn thiện sơ đồ ngăn lộ 172 E11.8 (Quỳnh Phụ) (dự kiến cắt điện đến ngày 13/10).
53		Tách đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ); Tách DCL172-7 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (Lưu ý : tách đến ngày 13-10-2017) . (7.00 - 15.00)	NGC : * Đường dây: đảm bảo an toàn công tác trong trạm E11.8 (Quỳnh Phụ). * Trạm E11.8 (Quỳnh Phụ): - Dịch chuyển xà poóc tích ngăn lộ 172 sang vị trí mới. - Dịch chuyển TU172 pha B, DCL172-7 hiện trạng sang vị trí mới, không đánh lại tên. - Lắp mới TI172 (3 pha). - Lắp mới tủ MK172, cải tạo tủ điều khiển ngăn 172. - Lắp đặt, đấu nối, thí nghiệm hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada của thiết bị MC172, DCL172-2, TI172 mới; TU172 pha B, DCL172-7 sau dịch chuyển . Đến 15h30 ngày 13/10: + Khôi phục đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ). + Nghiệm thu đóng điện MC172, DCL172-2, TI172 mới; TU172 pha B, DCL172-7 sau dịch chuyển. Kiểm tra đồng vị pha qua TUC11&TUC12 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ).
54		Khôi phục MC 232 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (5.00 - 6.00)	Sau khi B01 đại tu DCL 232-1
55		Tách MC 200 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (Lưu ý: Tách đến 15.00 ngày 07/10) (6.30 - 15.00)	B01 đại tu DCL 200-1, 200-3

56	Tách đ/d 171 E7.14 Lục Nam - 171 E7.8 Lục Ngạn; Tách MC171 trạm E7.14 (Lục Nam) (23.30 - 16.30)	NGC : * Đường dây: xử lý khiếm khuyết đường dây. * Trạm E7.14 (Lục Nam): thí nghiệm, cài đặt theo phiếu chính định và đưa bảo vệ so lệch dọc ngăn lộ 171 E7.14 (Lục Nam) vào làm việc.
57	Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	NGC : + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
58	Tách đ/d 171 E15.10 (220kV Đô Lương) - 171 E15.4 Đô Lương; Tách đ/d 172 E15.4 Đô Lương - 171 E15.24 Sông Lam 2; Tách thanh cái C11, MC171, MC172 trạm E15.4 Đô Lương (0.30 - 16.00)	NGC : * Đường dây 171 E15.10 (220kV Đô Lương) - 171-7 E15.4 Đô Lương: - Thay dây dẫn từ xà Pooctich trạm 220kV Đô Lương đến VT01 (dây dẫn AC185 lên AC300). * Đường dây 172 E15.4 Đô Lương - 171 E15.24 Sông Lam 2: đảm bảo an toàn công tác. * Trạm E15.4 Đô Lương: - Thu thanh cái C11 cũ sử dụng dây dẫn AC185; lắp dựng thanh cái C11, C12 mới sử dụng dây AC400. - Đấu nối; thí nghiệm mạch điều khiển, bảo vệ, Scada các thiết bị MC112, DCL112-1, DCL112-2, TII12. - TNDK các thiết bị thuộc ngăn lộ C11, MC172. Đến 16h30 ngày 29/9: + Khôi phục đ/d 172 E15.4 Đô Lương - 171 E15.24 Sông Lam 2; thanh cái C11, MC171, MC172 trạm E15.4 Đô Lương. + Nghiệm thu đóng điện đường dây 171 E15.10 (220kV Đô Lương) - 171 E15.4 Đô Lương sau khi thay dây dẫn từ xà Pooctich trạm 220kV Đô Lương đến VT01. + Nghiệm thu đóng điện các thiết bị MC112, DCL112-1, DCL112-2, TII12 trạm E15.4 (Đô Lương). Kiểm tra đồng vị pha qua TUC11&TUC12.

59	Tách MC171, MC112, C11, C12, T1, T2, MC331, MC431, MC332 trạm E7.8 (Lục Ngạn) (23.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <p>* Dự án HTSD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháo đầu tắt từ C11 đến MBAT1. - Đầu lều từ thanh cái C11 vào thiết bị hợp bộ HGIS ngăn 131, đầu lều từ HGIS ngăn 131 vào MBAT1 (hợp bộ HGIS ngăn 131 gồm: DCL131-1, MC131, TI131, DCL131-3), đầu nối CSC11, TUC11 (03 quả). - Cài tạo tủ điều khiển ngăn lộ 131; Thí nghiệm, hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada sau khi đầu nối thiết bị mới. - Thí nghiệm, cài đặt theo phiếu chỉnh định và đưa bảo vệ so lệch dọc ngăn lộ 171 E7.8 (Lục Ngạn) vào làm việc. <p>* Kết hợp:</p> <p>+ VSCN thiết bị thuộc ngăn lộ MC171, MC112, C11, C12, T1, T2, MC331, MC431, MC332, thanh cái C31, C32, C41.</p> <p>Đến 17h00 ngày 07/10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục MC171, MC112, C11, C12, T1, T2, MC331, MC431, MC332. - Nghiệm thu đóng điện ngăn hợp bộ HGIS131, CSC11, TUC11 (03 quả).
60	Tách T2, MC132, MC332, MC932 trạm E15.4 Đô Lương (0.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <p>* Hoàn thiện sơ đồ: Dịch chuyển vị trí của DCL 132-3, CS1T2 sang vị trí mới (không đánh lại tên); Lắp đặt, thí nghiệm mạch bảo vệ, Scada thiết bị TI132 mới.</p> <p>* Kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TNDK các thiết bị thuộc ngăn lộ T2, MC132, MC332, MC932. <p>Đến 17h00 ngày 07/10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục T2, MC132, MC332, MC932 trạm E15.4 Đô Lương. - Nghiệm thu đóng điện TI132 mới trạm E15.4 Đô Lương.
61	Tách MC332 trạm E27.11 (Châu Khê 2) (5.00 - 17.00)	<p>NGC - Ghép nối Scada ngăn lộ TU C32, 372, 374, 376.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu hình 61850 cho các role. - Kiểm tra, hiệu chỉnh Scada
62	Tách MBAT1, MC131, MC331, MC431 trạm E21.1 (Tuần Giáo) (6.00 - 12.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành, thay thế MC431. Thí nghiệm mạch bảo vệ, điều khiển, đo lường ngăn lộ 431. - VSCN, xử lý khiếm khuyết ngăn lộ T1, 131, 331, 431 và các ngăn lộ trung áp thanh cái C31, C41.
63	Tách MC331 trạm E18.5 (Vũng Áng) (4.00 - 7.30)	<p>NGC : Đảm bảo an toàn ghép nối ngăn lộ liên lạc MC312 mới, ngăn lộ 383 vào thanh cái C31, thí nghiệm mạch điều khiển bảo vệ ngăn lộ 312, các ngăn lộ trung áp thuộc thanh cái C32 mới. Nghiệm thu đóng điện MC312, thanh cái C32 (bao gồm tủ dao cắt 312-2 và ngăn lộ trung áp 372, 374).</p>

64	Tách đ/d 172 - 7 E5.19 (Quảng Hà) - 174 E5.7 (Móng Cái); Tách MC174, MC112, C12 trạm E5.7 (Móng Cái) (6.30 - 16.30)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đường dây: Lắp đặt sứ phân cách DCS với hệ thống tiếp địa trạm, xử lý khiếm khuyết đ/d. * Trạm E5.7 (Móng Cái): - Thi công sửa chữa lớn hệ thống SCADA ngăn lộ 174, 112. - TNDK, VSCN ngăn lộ 174, 112, C12.
65	Tách MBAT2, MC132, MC432 trạm E5.7 (Móng Cái) (6.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thi công SCL hệ thống SCADA ngăn lộ T2, 132, 432. - TNDK, VSCN ngăn lộ T2, 132, 432, và các ngăn lộ trung áp thuộc C42.
66	Tách MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC331, MC931 trạm E9.8 (Nông Cống) (5.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháo dỡ, thu hồi DCL131-1 hiện trạng lấy không gian đảm bảo an toàn lắp đặt, thí nghiệm thiết bị hợp bộ HGIS lộ 131 (gồm MC131, DCL131-1, TI131, DCL131-3); lắp đặt chống sét van thanh cái C11 mới. Các thiết bị mới chưa đấu nối lên thanh cái C11, T1. - Đấu nối từ thanh cái C11 đến đầu cực phía 110kV MBAT1 để khôi phục T1 cấp điện phụ tải. Đến 17h00 ngày 07/10: khôi phục MC171, MC112, C11, T1, MC331, MC931. - Chỉ thực hiện khi hoàn thiện thủ tục CTM
67	Tách AT4, MC 234, 134 E15.1 (Hưng Đông 220kV) (22.30 - 9.00)	B01 thay mới dao cách ly 134-3
68	Tách AT3 E1.4 (Ba La 220kV); MC 233, 133, 433 E1.4 (Ba La 220kV) (23.00 - 6.00)	B01 thi công thay cáp lực phía 22kV AT3 đoạn từ AT3 đến tủ MC 433; Kết hợp TNDK
69	Khôi phục C21 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (14.00 - 15.00)	Sau khi B01 đại tu DCL 231-1, 232-1; 200-1, 200-3
70	Khôi phục MC 200 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) (14.30 - 15.00)	Sau khi B01 đại tu DCL 200-1, 200-3
71	Tách đ/d 172 E23.1 (Ninh Bình 220kV) - 172 E3.1 (Trình Xuyên) (Lưu ý: Sáng cắt chiều khôi phục, đến ngày 08-10-2017). (4.00 - 18.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lắp dựng cột thép mới VT42, thu hồi cột cũ. + Thay dây siêu nhiệt từ VT32 đến VT68. + Lắp đặt 26 bộ chụp cột đỡ dây chống sét các VT: 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 53, 54, 55, 56, 58, 61, 62, 63, 64, 65, 67. + Lắp đặt 40 bộ móng néo, dây néo cho các VT: 34, 35, 37, 38, 39, 41, 43, 45, 46, 47, 49, 53, 54, 55, 58, 61, 62, 64, 65, 67.
72	Tách đ/d 271 E1.4 (Ba La 220kV) - 271 E1.11 (Thành Công 220kV) và 271 E1.4 (Ba La 220kV), 271 E1.11 (Thành Công 220kV) (6.00 - 15.00)	B01 TNDK 2017 TU 271 E1.4 và MC 2 đầu đ/d

73	Tách T1, MC131, MC331, MC931 trạm E15.4 Đô Lương (0.00 - 17.00)	NGC : * Hoàn thiện sơ đồ: Dịch chuyển vị trí của DCL 131-3, CS1T1 sang vị trí mới (không đánh lại tên); Lắp đặt, thí nghiệm mạch bảo vệ, Scada thiết bị TI131 mới. * Kết hợp: - TNDK các thiết bị thuộc ngăn lộ T1, MC131, MC331, MC931. : Đến 17h00 ngày 08/10: - Khôi phục T1, MC131, MC331, MC931 trạm E15.4 Đô Lương. - Nghiệm thu đóng điện TI131 mới trạm E15.4 Đô Lương.
74	Khôi phục đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) (11.00 - 11.00)	Sau khi : NGC :Dựng cột BTLT 14m thay thế cột BTLT VT341 (10m) để nâng cao khoảng cách pha - đất, căng dây lấy độ võng khung cột 340-342.
75	Khôi phục đoạn đ/d từ VT340 - VT343 thuộc đ/d 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.8 (Nông Cống) (17.00 - 17.00)	Sau khi : NGC :Dựng cột BTLT 14m thay thế cột BTLT VT341 (10m) để nâng cao khoảng cách pha - đất, căng dây lấy độ võng khung cột 340-342.
76	Tách MC332 trạm E27.1 (TIÊN SƠN) (5.30 - 15.30)	NGC - Tháo đầu cáp 35kV tại tủ TU C32. Lắp hoàn trả 03 biến điện áp 35kV tại tủ hợp bộ TU C32, đầu nối nhĩ thứ TU C32 mới. - Ghép nối Scada tủ TU C32. - Đầu nối dòng áp bổ sung đa năng cho ngăn lộ 372, TU C32. - Cấu hình 61850 cho các role. - Kiểm tra, hiệu chỉnh Scada.
77	08/10 Tách đ/d 172-7 E5.24 (Tex Hong) - 173 E5.7 (Móng Cái); tách đ/d 172 E5.7 (Móng Cái) - VT19; tách MC172, MC173, MC112, C11 trạm E5.7 (Móng Cái) (6.30 - 16.30)	NGC : * Đường dây: Lắp đặt sứ phân cách DCS với hệ thống tiếp địa trạm, xử lý khiếm khuyết đ/d. * Trạm E5.7 (Móng Cái): - Thi công sửa chữa lớn hệ thống SCADA ngăn lộ 172, 173, 112. - TNDK, VSCN ngăn lộ 172, 173, 112, C12.
78	Tách MBAT1, MC131, MC431 trạm E5.7 (Móng Cái) (6.00 - 17.00)	NGC : - Thi công SCL hệ thống SCADA ngăn lộ T1, 131, 431. - TNDK, VSCN ngăn lộ T1, 131, 431 và các ngăn lộ trung áp thuộc C42.
79	Tách đ/d 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) - 172 E9.7 (XM Nghị Sơn) - VT340 (trục chính) và đ/d 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 172 E9.15 (XM Công Thanh) - VT343 (trục chính) (5.00 - 11.00)	NGC : Đầu lều VT340, VT343 trục chính. Sau khi đầu lều khôi phục đ/d 171 E9.2 (Ba Chè 220kV) - 172 E9.7 (XM Nghị Sơn) - 172 E9.15 (XM Công Thanh) - 174 E9.10 (Nghị Sơn 220kV).
80	Tách đ/d 171 E9.8 (Nông Cống) - 171 E9.7 (XM Nghị Sơn) - VT340 (trục chính) và đ/d 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV) - 171 E9.15 (XM Công Thanh) - VT343 (trục chính) (13.00 - 17.00)	NGC : Đầu lều VT340, VT343 trục chính. Sau khi đầu lều khôi phục đ/d 171 E9.8 (Nông Cống) - 171 E9.7 (XM Nghị Sơn) - 171 E9.15 (XM Công Thanh) - 173 E9.10 (Nghị Sơn 220kV).

81	Tách MC172, MC112, thanh cái C12, MBAT2, MC332 trạm E9.8 (Nông Cống) (5.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <p>- Tháo dỡ, thu hồi DCL132-2 hiện trạng lấy không gian đảm bảo an toàn lắp đặt, thí nghiệm thiết bị hợp bộ HGIS lộ 132 (gồm MC132, DCL132-2, TI132, DCL132-3); lắp đặt chống sét van thanh cái C12 mới. Các thiết bị mới chưa đấu nối lên thanh cái C12, T2.</p> <p>- Đấu nối từ thanh cái C11 đến đầu cực phía 110kV MBAT1 để khôi phục T1 cấp điện phụ tải.</p> <p>- TNDK ngăn lộ 332, C32 và các ngăn lộ trung áp thuộc C32.</p> <p>Đến 17h00 ngày 08/10: khôi phục MC172, MC112, C12, T2, MC332.</p>
82	Tách MC331 trạm E9.8 (Nông Cống) (7.00 - 16.30)	<p>NGC :</p> <p>- Đảm bảo an toàn đấu nối ngăn lộ tụ bù TB301 (5MVar) vào thanh cái C31. Thí nghiệm mạch điều khiển, bảo vệ, nghiệm thu đóng điện ngăn lộ tụ bù TBN301 (5MVar).</p> <p>- TNDK ngăn lộ 331, thanh cái C31 và các ngăn lộ trung áp thuộc C31.</p>
83	Tách AT4 E1.4, MC 234, 134, 434 E1.4 (Ba La 220kV) (23.00 - 6.00)	B01 thi công thay cáp lực phía 22kV AT4 đoạn từ AT4 đến tủ MC 434; Kết hợp TNDK
84	Tách AT1 E1.19 (Sóc Sơn 220kV). (7.00 - 16.00)	<p>B01:</p> <p>-Tháo dỡ thiết bị MC 431 và T401</p> <p>- TNDK 2018 và VSCN.</p>

Dự kiến công tác tuần 42

ST T	Ngày	Công tác	Nội dung
1	09/10	Tách đ/d 273 E4.4 (Việt Trì 220kV)- 273, 274E25.2 (Vĩnh Yên 220kV) (7.00 - 16.00)	B01 vệ sinh cách điện; kiểm tra cách điện phụ kiện; xóa phụ lục phần điện
2		Tách AT5 E1.4, MC 235, 135 E1.4 (Ba La 220kV) (23.00 - 6.00)	B01 TNDK
3		Tách MC 171 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (7.00 - 12.00)	B01 TNDK thiết bị
4		Tách MC 173 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (12.00 - 17.00)	B01 TNDK thiết bị
5		Tách AT2, 232, 132, 432 E17.6 (Sơn La 220kV) (6.00 - 16.00)	B01 thay TU1AT2 pha A bị hỏng
7		Tách đ/d 177 E1.1 (ĐÔNG ANH) - VT151 & đ/d 178 E1.1 (ĐÔNG ANH) - VT151 (Lưu ý : tách đến ngày 11-10-2017). (6.00 - 16.00)	<p>NGC - Kéo lại độ võng, nâng cao khoảng cách pha đất k/c 187-188.</p> <p>- Nâng xà để nâng cao khoảng cách pha đất 167-168</p>

8	10/10	Tách MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC431 trạm E5.11 (Cái Lân) (Lưu ý : tách đến ngày 13-10-2017). (5.30 - 18.30)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháo dỡ, thu hồi DCL131-1 hiện trạng lấy không gian lắp đặt, thí nghiệm thiết bị hợp bộ HGIS lộ 131 (gồm MC131, DCL131-1, TI131, DCL131-3); lắp đặt chống sét van thanh cái C11 mới. - Đấu lèo từ thanh cái C11 vào thiết bị hợp bộ HGIS ngăn 131, đấu lèo từ HGIS ngăn 131 vào MBAT1 (hợp bộ HGIS131 gồm: DCL131-1, MC131, TI131, DCL131-3), đấu nối CSC11 vào thanh cái C11. - Kết hợp TĐK, VSCN ngăn lộ MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC431. <p>Đến 18h30 ngày 10/10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục MC171, MC112, C11, T1, MC431. - Nghiệm thu đóng điện ngăn hợp bộ HGIS131, CSC11.
9		Tách MC 175 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (6.00 - 11.00)	B01 TĐK thiết bị
10		Tách MC 177 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (11.00 - 16.00)	B01 TĐK thiết bị
12	11/10	Khôi phục đ/d 177 E1.1 (ĐÔNG ANH) - VT151 & đ/d 178 E1.1 (ĐÔNG ANH) - VT151 (6.00 - 16.00)	Sau khi : NGC - Kéo lại độ võng, nâng cao khoảng cách pha đất k/c 187-188. - Nâng xà để nâng cao khoảng cách pha đất 167-168
13		Tách MC 172 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (6.00 - 11.00)	B01 TĐK thiết bị
14		Tách MC 174 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (11.00 - 16.00)	B01 TĐK thiết bị
16	12/10	Tách MC 176 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (6.00 - 11.00)	B01 TĐK thiết bị
17		Tách MC 178 E1.4 (Ba La 220kV) (MC 100 thay) (11.00 - 16.00)	B01 TĐK thiết bị
19		Khôi phục đ/d 171 E4.4 (Việt Trì 220kV) - VT05 (1.00 - 18.00)	Sau khi : NGC Đảm bảo an toàn kéo đường dây 220kV Việt Trì - Yên Bái giao chéo với đường dây 110kV tại khoảng cột 01-02.

20	13/10	Khôi phục đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ); Khôi phục DCL172-7 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (7.00 - 15.00)	Sau khi : NGC : * Đường dây: đảm bảo an toàn công tác trong trạm E11.8 (Quỳnh Phụ). * Trạm E11.8 (Quỳnh Phụ): - Dịch chuyển xà poóc tích ngăn lộ 172 sang vị trí mới. - Dịch chuyển TU172 pha B, DCL172-7 hiện trạng sang vị trí mới, không đánh lại tên. - Lắp mới TI172 (3 pha). - Lắp mới tủ MK172, cải tạo tủ điều khiển ngăn 172. - Lắp đặt, đấu nối, thí nghiệm hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada của thiết bị MC172, DCL172-2, TI172 mới; TU172 pha B, DCL172-7 sau dịch chuyển . Đến 15h30 ngày 13/10: + Khôi phục đ/d 181 E11.1 (Thái Bình 220kV) - 172-7 E11.8 (Quỳnh Phụ). + Nghiệm thu đóng điện MC172, DCL172-2, TI172 mới; TU172 pha B, DCL172-7 sau dịch chuyển. Kiểm tra đồng vị pha qua TUC11&TUC12 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ).
21		Tách C12, MC112 trạm E11.8 (Quỳnh Phụ) (5.30 - 15.30)	NGC : Đấu lèo từ DCL172-2 lên thanh cái C12.
22		Khôi phục MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC431 trạm E5.11 (Cái Lân) (5.30 - 18.30)	Sau khi : NGC : - Tháo dỡ, thu hồi DCL131-1 hiện trạng lấy không gian lắp đặt, thí nghiệm thiết bị hợp bộ HGIS lộ 131 (gồm MC131, DCL131-1, TI131, DCL131-3); lắp đặt chống sét van thanh cái C11 mới. - Đấu lèo từ thanh cái C11 vào thiết bị hợp bộ HGIS ngăn 131, đấu lèo từ HGIS ngăn 131 vào MBAT1 (hợp bộ HGIS131 gồm: DCL131-1, MC131, TI131, DCL131-3), đấu nối CSC11 vào thanh cái C11. - Kết hợp TNDK, VSCN ngăn lộ MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC431. Đến 18h30 ngày 10/10: - Khôi phục MC171, MC112, C11, T1, MC431. - Nghiệm thu đóng điện ngăn hợp bộ HGIS131, CSC11.
24	13/10	Tách đ/d 173 E15.1 (Hung Đông 220kV) - 171 E15.16 (Hung Hoà); Tách đ/d 172 E15.7 (Bến Thủy) - 172-7 E15.16 (Hung Hoà); Tách C11, C12, MC112, MC171 trạm E15.16 (Hung Hoà) (5.00 - 17.00)	NGC đề : * Đường dây 173 E15.1 (Hung Đông 220kV) - 171 E15.16 (Hung Hoà): đảm bảo an toàn thi công trong trạm E15.16 (Hung Hoà). * Đường dây 172 E15.7 (Bến Thủy) - 172-7 E15.16 (Hung Hoà): đảm bảo an toàn thi công trong trạm E15.16 (Hung Hoà). * Trạm E15.16 (Hung Hoà): Thay thanh cái C11, C12, thay dây dẫn các ngăn lộ 171, 172, 112 bằng dây dẫn ACSR500. Thay thế kẹp cực các ngăn lộ 171, 112, 172, C11, C12.

25	Tách MC171, MC112, thanh cái C11, MBAT1, MC331, MC931 trạm E9.8 (Nông Cống) (5.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháo đầu tắt từ thanh cái C11 đến MBAT1. - Đầu lèo từ thanh cái C11 vào thiết bị hợp bộ HGIS ngăn 131, đầu lèo từ HGIS ngăn 131 vào MBAT1 (hợp bộ HGIS131 gồm: DCL131-1, MC131, TI131, DCL131-3), đầu nối CSC11 vào thanh cái C11. - Lắp rơ le BVKC ngăn lộ 171, rơ le BVSL thanh cái C11; Thí nghiệm, hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada sau khi đầu nối thiết bị mới. <p>Đến 17h00 ngày 14/10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục MC171, MC112, C11, T1, MC331, MC931. - Nghiệm thu đóng điện ngăn hợp bộ HGIS131, CSC11.
27	E2.26 (Bắc Sông Cấm) khôi phục T2, MC 132 (16.00 - 17.00)	Sau khi E2.26 đảm bảo an toàn lắp đặt các xuất tuyến phía 22kV
28	Tách MC331 trạm E27.1 (TIÊN SON) (5.30 - 15.30)	<p>NGC - Tháo đầu cáp 35kV tại tủ TU C31. Lắp hoàn trả 03 biến điện áp 35kV tại tủ hợp bộ TU C31, đầu nối nhị thứ TU C31 mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghép nối Scada tủ TU C31. - Đầu nối dòng áp bổ sung đa năng cho ngăn lộ 371, 373, TU C31. - Cấu hình 61850 cho các role. - Kiểm tra, hiệu chỉnh Scada.
29	15/10 Tách MC172, MC112, thanh cái C12, MBAT2, MC332 trạm E9.8 (Nông Cống) (5.00 - 17.00)	<p>NGC :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháo đầu tắt từ thanh cái C12 đến MBAT2. - Đầu lèo từ thanh cái C12 vào thiết bị hợp bộ HGIS ngăn 132, đầu lèo từ HGIS ngăn 132 vào MBAT2 (hợp bộ HGIS132 gồm: DCL132-2, MC132, TI132, DCL132-3), đầu nối CSC12 vào thanh cái C12. - Lắp rơ le BVKC ngăn lộ 172, rơ le BVSL thanh cái C12; Thí nghiệm, hoàn thiện mạch điều khiển, bảo vệ, scada sau khi đầu nối thiết bị mới. <p>Đến 17h00 ngày 15/10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục MC172, MC112, C12, T2, MC332, MC932. - Nghiệm thu đóng điện ngăn hợp bộ HGIS132, CSC12.

Ảnh hưởng của công tác lưới điện tuần 41

ST T	Phương thức	Thời gian dự kiến	Kết quả tính toán Điều kiện nguồn/Thay đổi kết dây	Ghi chú
1	Tách AT2, MC 232, 132 E1.23 (Vân Trì 220kV) (22.30 - 5.00)	22h30 01/10 - 05h00 02/10	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi tách: AT1, AT2 E1.23 mang tải : 59~ 62 %; - Sau khi tách: AT1 mang tải 84 ~ 88% % 	Không thực hiện, theo yêu cầu công văn 3681/PTC 1-ĐĐ

2	Tách AT1 E5.9 (Tràng Bạch 220kV) (6.00 - 12.00)	06h00 02/10 - 12h00 02/10	- Trước khi tách: AT1, AT2 E5.9 mang tải : 59~ 62 %; - Sau khi tách: AT2 mang tải 73 ~ 78% %	Thực hiện được
3	Tách AT1, MC 231, 131, 431, 100, 200 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) (23.00 - 6.00)	23h00 04/10 - 06h00 05/10	- Trước khi tách: AT1 E5.8 mang tải ~ 47 %; , AT2 ~ 55% - Sau khi tách: AT2 mang tải 90%	Không thực hiện, theo yêu cầu công văn 3681/PTC 1-ĐĐ
4	Tách đ/d 172 - 7 E5.19 (Quảng Hà) - 174 E5.7 (Móng Cái); Tách MC174, MC112, C12 trạm E5.7 (Móng Cái) (6.30 - 16.30)	06h30 07/10 - 16h30 07/10	- Trước khi tách: đ/d 172 E5.30 mang tải 53-57% - Sau khi tách đ/d 172 E5.30 mang tải 84-89%; điện áp E5.7 103 - 104kV (đề nghị giữ điện áp E5.30 thấp nhất 116kV)	Thực hiện được
5	Tách AT3 E1.4 (Ba La 220kV); MC 233, 133, 433 E1.4 (Ba La 220kV) (23.00 - 6.00)	23h00 06/10 - 06h00 07/10	- Trước khi tách: AT3, AT4, AT5 E1.4 mang tải : 59~ 62 %; - Sau khi tách: AT4, AT5 mang tải 80 ~ 84% %	Không thực hiện, theo yêu cầu công văn 3681/PTC 1-ĐĐ
6	Tách AT1 E1.19 (Sóc Sơn 220kV). (7.00 - 16.00)	07h00 08/10 - 16h00 08/10	- Trước khi tách: AT1, AT2 E1.19 mang tải: 45 - 47% - Sau khi tách: AT2 mang tải 62 - 66%	Thực hiện được

4. Cảnh báo truyền tải cao trên 80%

4.1 Chế độ cao điểm

STT	(kV)	Đường dây	Iđm (A)	Mức mang tải (%)	Giải pháp
1	110	172 Nghi Sơn E9.10 - 172 Tôn Hoa Sen E15.27	521	84%	
2	110	174 Cao Bằng E16.2 - 171 Cao Bằng E16.1	521	86%	
3	110	176 Lào Cai E20.2 - 172 Mường Hum A20.15	615	86%	
4	110	172 Hà Đông E1.4 - 172 Thượng Đình E1.5	635	86%	
5	110	171 Vĩnh Yên E25.2 - 172-7 Thiện Kế E25.4	621	86%	
6	110	174 Sơn Tây E1.35 - 171 Phùng Xá E1.28	442	86%	
7	110	173 Bắc Ninh 3 E27.15 - 172 Yên Phong E27.7	690	88%	
8	110	171 Kim Động E28.10 - 171 Kim Động E28.2	690	88%	
9	110	174 Bắc Ninh E27.6 - 171 Quê Võ 4 E27.17	442	90%	
10	110	174 Bắc Ninh 2 E27.10 - 172 Tiên Sơn E27.1	690	90%	
11	110	173 Phố Nối E28.1 - 172 Gia Lâm 2 E1.38	1100	94%	
12	110	172 Phủ Lý E24.4 - 172 Đông Vãn E24.3	615	94%	
13	110	173 Lào Cai E20.2 - 171 Cốc San A20.41	615	94%	
14	110	171 Phủ Lý E3.5 - 171 Thạch Tổ E3.2	390	97%	
15	110	172 Phúc Thọ E10.6 - 173 Xuân Mai E10.5 - 175 Sơn Tây E1.35	521	94%	
16	220	276 T500 Phố Nối - 271,272 Phố Nối E28.1	1450	91%	
17	220	272 Chèm E1.6 - 273 Hòa Bình A100	945	92%	
18	220	275 T500 Nho Quan - 273 Phủ Lý E24.4	690	96%	
19	220	271 Sơn La E17.6 - 271 Việt Trì E4.4	825	98%	
20	220	278 Hà Đông E1.4 - 275 Hòa Bình A100	945	99%	
21	220	279 Hà Đông E1.4 - 276 Hòa Bình A100	945	99%	

STT	Trạm biến áp	MBA	Iđm (A)	Mức mang tải (%)	Ghi chú
1	TBA 220kV Đồng Hoà	AT1	314	81%	
2	TBA 220kV Phố Nối	AT1, AT2	628	82%	
3	TBA 500kV Nho Quan	AT3	314	85%	
4	TBA 220kV Phú Bình	AT1, AT2	628	86%	
5	TBA 220kV Tây Hồ	AT2	628	86%	
6	TBA 220kV Đồng Hoà	AT2	628	88%	
7	TBA 220kV Phủ Lý	AT1	314	96%	
8	TBA 220kV Phủ Lý	AT2	628	96%	
9	TBA 220kV Than Uyên	AT1	628	93%	
10	TBA 500kV Đông Anh	AT3	628	88%	
11	TBA 220kV Sơn La	AT1	628	96%	
12	TBA 220kV Bắc Ninh 3	AT3	628	96%	

4.2 Chế độ thấp điểm

STT	(kV)	Đường dây	Iđm (A)	Mức mang tải (%)	Giải pháp
1					

STT	Trạm biến áp	MBA	Iđm	Mức mang tải (%)	Ghi chú
1					

5. Cảnh báo điện áp cao/thấp**5.1 Điện áp thấp dưới 0.95Uđđ**

STT	Trạm biến áp	Uđđ	Utt	So sánh (%)	Giải pháp
1					

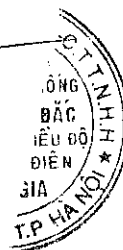
5.2 Điện áp cao trên 1.1Uđđ

STT	Trạm biến áp	Uđđ	Utt	So sánh (%)	Thời điểm
1	NM TĐN Nậm Pung	110	124	113	Thấp điểm đêm, phụ tải thấp
2	NM TĐ Mường Hum	110	124	113	
3	NM TĐ Nậm Tha	110	123	112	
4	NM TĐN Bản Rạ	110	123	112	
5	NM TĐN Tà Loi 2	110	123	112	
6	NM TĐN Nậm Khánh	110	123	112	
7	NM TĐN Thanh Thủy	110	123	112	
8	TBA 110kV Phù Yên	110	122	111	
9	TBA 110kV Văn Bàn	110	122	111	
10	TBA 110kV Văn Điển	110	122	111	
11	NM TĐN Vĩnh Hà	110	122	111	

Nơi nhận:

- ĐDQG (để b/c);
- ĐDMT (để p/h);
- Cty TTĐ1;
- TT ĐD TP Hà Nội;
- Cty lưới ĐCT miền Bắc;
- TCT điện lực miền Bắc;
- Các NMĐ: NĐ Cẩm Phả, NĐ Phả Lại
NĐ Nghi Sơn, NĐ Quảng Ninh
- Phòng PT;
- Lưu: VT, ĐD.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Mạnh Cường

